BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính	04
Báo cáo tài chính đã được soát xét	05 – 36
Bảng cân đối kế toán	05 – 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09 – 10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO (sau đây gọi tắt là "Tập đoàn HAPACO") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

TẬP ĐOÀN

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5+6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên	
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên	
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 05/04/2014)
Ông Nguyễn Văn Hưởng	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 05/04/2014)
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn HAPACO trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc
Bà Mai Thị Thanh Yên	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng Ban	
Bà Trần Tiếu Phụng	Thành viên	
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05/04/2014)
Bà Cao Thị Thúy Lan	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05/04/2014)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính cho Tập đoàn HAPACO.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng Quản trị Tập đoàn HAPACO xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Tập đoàn HAPACO.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

TS. Vũ Trọng Hiền
Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

Vũ Xuân Cường
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2014

Số: 1375 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

BÁO CÁO
KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn HAPACO và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

Nguyễn Quốc Dũng
Phó Tổng Giám đốc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0285-2013-002-1

Hoàng Thúy Nga
Kiểm toán viên
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 0762-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014 Đã điều chỉnh
			VND	VND
100	**A . TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**474.472.081.895**	**450.364.353.383**
110	**I. Tiền và các khoản tương đương tiền**	3	**9.626.999.833**	**44.325.587.502**
111	1. Tiền		9.626.999.833	44.325.587.502
120	**II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn**	4	**274.738.830.853**	**274.738.836.453**
121	1. Đầu tư ngắn hạn		274.739.141.895	274.739.141.895
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(311.042)	(305.442)
130	**III. Các khoản phải thu ngắn hạn**		**188.775.033.396**	**129.678.951.615**
131	1. Phải thu khách hàng		1.225.746.196	1.572.557.196
132	2. Trả trước cho người bán		10.257.941.524	12.476.283.562
135	3. Các khoản phải thu khác	5	179.294.018.110	117.632.783.291
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(2.002.672.434)	(2.002.672.434)
150	**V. Tài sản ngắn hạn khác**		**1.331.217.813**	**1.620.977.813**
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		1.494.976	1.494.976
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		65.911	65.911
158	3. Tài sản ngắn hạn khác	6	1.329.656.926	1.619.416.926
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**611.077.625.801**	**575.240.864.049**
220	**II . Tài sản cố định**		**300.172.895.968**	**256.418.771.748**
221	1. Tài sản cố định hữu hình	7	315.906.382	361.047.399
222	*- Nguyên giá*		*796.235.000*	*796.235.000*
223	*- Giá trị hao mòn luỹ kế*		*(480.328.618)*	*(435.187.601)*
230	2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	8	299.856.989.586	256.057.724.349
250	**IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn**	9	**310.904.729.833**	**318.822.092.301**
251	1. Đầu tư vào công ty con		256.226.220.713	256.226.220.713
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		75.976.000.000	75.976.000.000
258	3. Đầu tư dài hạn khác		40.755.251.523	40.775.251.523
259	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(62.052.742.403)	(54.155.379.935)
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**1.085.549.707.696**	**1.025.605.217.432**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014 Đã điều chỉnh
			VND	VND
300	**A . NỢ PHẢI TRẢ**		**565.958.421.830**	**494.618.111.503**
310	**I. Nợ ngắn hạn**		**467.077.335.830**	**399.997.878.503**
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	10	324.650.000.000	306.960.000.000
312	2. Phải trả người bán		31.196.055.418	29.829.911.893
313	3. Người mua trả tiền trước		10.959.574.621	1.459.574.621
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	11	783.931.686	695.109.190
315	5. Phải trả người lao động		459.337.533	424.353.888
316	6. Chi phí phải trả	12	7.314.607.909	2.829.105.678
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	13	91.713.828.663	57.799.823.233
330	**II. Nợ dài hạn**		**98.881.086.000**	**94.620.233.000**
334	1. Vay và nợ dài hạn	14	98.881.086.000	94.620.233.000
400	**B . VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**519.591.285.866**	**530.987.105.929**
410	**I. Vốn chủ sở hữu**	**15**	**519.591.285.866**	**530.987.105.929**
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.601.220.000	322.601.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		126.320.828.671	126.320.828.671
414	3. Cổ phiếu quỹ		(4.570.790.000)	(4.570.790.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		44.271.598.932	44.271.598.932
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		4.528.042.732	4.528.042.732
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.440.385.531	37.836.205.594
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**1.085.549.707.696**	**1.025.605.217.432**

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại			
- USD		1.058,51	1.058,51

Vũ Xuân Cường	**Trần Thị Hằng**	**Khoa Thị Thanh Huyền**
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
1	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**		-	-
2	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	**3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**		-	-
11	**4. Giá vốn hàng bán**		-	-
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		-	-
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	16	20.831.661.338	29.520.650.565
22	7. Chi phí tài chính	17	14.280.498.901	10.285.711.242
23	*Trong đó: Chi phí lãi vay*		*3.743.130.833*	-
25	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	5.567.436.507	2.508.628.209
30	**9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**983.725.930**	**16.726.311.114**
31	10. Thu nhập khác	19	3.677.062.112	3.065.755.655
32	11. Chi phí khác		4.282.105	623.369
40	**12. Lợi nhuận khác**		**3.672.780.007**	**3.065.132.286**
50	**13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**4.656.505.937**	**19.791.443.400**
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20	-	-
60	**15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp**		**4.656.505.937**	**19.791.443.400**

SĐKKD:055591-CTCP CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO Q.NGÔ QUYỀN - TP.HẢI PHÒNG

Vũ Xuân Cường	**Trần Thị Hằng**	**Khoa Thị Thanh Huyền**
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	***1. Lợi nhuận trước thuế***		***4.656.505.937***	***19.791.443.400***
	2. Điều chỉnh cho các khoản		***(6.506.021.420)***	***(19.167.427.071)***
02	Khấu hao tài sản cố định		45.141.017	67.512.252
03	Các khoản dự phòng		7.897.368.068	10.285.711.242
04	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		2.640.000.000	(210.258)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(20.831.661.338)	(29.520.440.307)
06	Chi phí lãi vay		3.743.130.833	-
08	***3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động***		***(1.849.515.483)***	***624.016.329***
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(39.670.411.732)	(37.119.113.471)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp		29.032.895.937	(29.997.716.528)
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		-	(81.729.319)
13	Tiền lãi vay đã trả		(217.200.000)	-
14	Thuế TNDN đã nộp		-	55.000.000
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		300.000.000	-
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(409.809.000)	
20	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh***		***(12.814.040.278)***	***(66.519.542.989)***
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(43.020.960.680)	(30.457.467.027)
23	2. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	(8.000.000.000)
24	3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		20.000.000	8.333.058.600
25	4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	(1.714.264.526)
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	37.180.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.805.560.289	5.614.178.844
30	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư***		***(41.195.400.391)***	***10.955.505.891***
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		22.410.853.000	52.444.000.000
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.100.000.000)	(4.000.000.000)
40	***Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính***		***19.310.853.000***	***48.444.000.000***

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014 VND	6 tháng đầu năm 2013 VND
50	**Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ**		**(34.698.587.669)**	**(7.120.037.098)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**44.325.587.502**	**10.197.472.826**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	210.258
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	3	**9.626.999.833**	**3.077.645.986**

Vũ Xuân Cường	**Trần Thị Hằng**	**Khoa Thị Thanh Huyền**
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2014

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

1. THÔNG TIN CHUNG

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức: Chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO được đặt tại: Tầng 5 + 6 Tòa nhà Khánh Hội - Quận Ngô Quyền - Thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phần). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 30/06/2014 là 322.601.220.000 đồng (tương đương 32.260.122 cổ phần). Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần.

Thông tin về các Công ty con:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu (1)	100%	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn (2)	100%	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc (3)	100%	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà (4)	61,54%	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P (5)	100%	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông (6)	100%	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng (7)	99,84%	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng (8)	100%	Thôn Nước Mát - Âu Lâu - Yên Bái.

Thông tin về các Công ty liên kết:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng (9)	30%	Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Khái quát chung về các Công ty con của Tập đoàn HAPACO

(1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2014, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất bao bì bằng gỗ; In ấn (bao gồm in giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe

khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 26.169.600.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 441A Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

(2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu); Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ôtô và xe có động cơ khác; Giáo dục mầm non; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn (Chi tiết: In giấy vàng mã xuất khẩu); Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 11.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số nhà 826, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

(3) Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/07/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 7.238.119.565 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km18, Quốc lộ 15A, Xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình.

(4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18/10/2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 30/06/2014 là 13.000.000.000 đồng; Trong đó, Tập đoàn HAPACO góp 8.000.000.000 đồng

tương đương 61% vốn điều lệ của Công ty. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Nam Quang, Xã Vĩnh Tuy, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

(5) Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/06/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 30/06/2014 là 155.630.855.217 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17 Quốc lộ 5, Thôn Tiên Nông, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

(6) Công ty TNHH HAPACO Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010 với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 10.984.455.931 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 đường Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hapaco về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH HAPACO Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH HAPACO Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

(7) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

Vốn điều lệ của Công ty là 12.132.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 6.132.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 135 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

(8) Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200729753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/10/2012, với các ngành nghề kinh doanh là: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn Sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 7.086.500.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu - Thành phố Yên Bái.

Khái quát chung về Công ty liên kết của Tập đoàn HAPACO

(9) Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/03/2008, cấp lại lần thứ nhất ngày 18/11/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dung hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn thực góp của Tập đoàn HAPACO tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 30/06/2014 là 75.976.000.000 đồng; Tương đương 7.597.600 cổ phần, chiếm 15,2% Vốn điều lệ của Công ty. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết theo cam kết góp vốn của Tập đoàn HAPACO vào Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng là 30%.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17 tháng 06 năm 1999, cấp lại lần 11 ngày 21 tháng 11 năm 2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chưng cất từ dầu mỏ;
- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;

- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:

- Theo Hợp đồng mua cổ phần và hợp tác đầu tư ngày 19/12/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/04/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Các Công ty bao gồm: Công ty Rent-A-Port N.V, Công ty InfraAsia Investment Limited (Hong Kong) và Công ty IPEM Vietnam Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp là 7.597.600 cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng với số tiền là 5.025.922,99 USD theo tỷ giá Ngân hàng Vietcombank công bố tại ngày thanh toán. Tại thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO đã nhận được 9.500.000.000 đồng ứng trước cho hợp đồng chuyển nhượng vốn nêu trên. Để đảm bảo tính thận trọng, Tập đoàn HAPACO chưa ghi nhận hoạt động chuyển nhượng vốn góp này vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 cho tới khi nhận được toàn bộ giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng nêu trên và hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng.
- Trong tháng 11 năm 2013, Tập đoàn HAPACO thực hiện vay Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) số tiền là 12.000.000 USD; Tương đương 252.960 triệu đồng với lãi suất là 2,75%/năm và thực hiện gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Do đó, doanh thu hoạt động tài chính về lãi tiền gửi và chi phí hoạt động tài chính về lãi tiền vay trong kỳ tăng mạnh so với 6 tháng đầu năm 2013.

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN HAPACO

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng
Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán
Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng
Tập đoàn HAPACO áp dụng hình thức Sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

2.3. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.6. Tài sản cố định và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn luỹ kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

-	Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
-	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
-	Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm

2.7. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Tập đoàn HAPACO nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tập đoàn HAPACO mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày công ty mẹ nắm quyền kiểm soát được ghi vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của công ty mẹ. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Tập đoàn HAPACO có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc. Các khoản phân phối lợi nhuận từ số lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau

ngày đầu tư được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tập đoàn HAPACO. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Kỳ phiếu, tín phiếu kho bạc, tiền gửi ngân hàng có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán: nếu chứng khoán đã được niêm yết thì giá trị thị trường được tính theo giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội (HNX) hoặc giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng trên Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE); nếu chứng khoán chưa được niêm yết trên thị trường chứng khoán thì giá trị thị trường được xác định theo giá giao dịch bình quân trên thị trường giao dịch của các Tập đoàn HAPACO đại chúng chưa niêm yết (UPCom) tại ngày lập dự phòng hoặc giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba Tập đoàn HAPACO chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng. Trường hợp không thể xác định được giá thị trường của chứng khoán thì Tập đoàn HAPACO không trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi thì giá trị thị trường là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.
- Đối với các khoản đầu tư dài hạn vào tổ chức kinh tế khác: mức trích lập dự phòng được xác định dựa vào báo cáo tài chính của tổ chức kinh tế khác.

2.8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay".

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

Chi phí lãi vay vốn hóa trong kỳ là 8.524.750.960 đồng.

2.9. Chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh của một năm tài chính hoặc một chu kỳ kinh doanh được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí đã phát sinh trong năm tài chính nhưng liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm Thặng dư vốn cổ phần.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Tập đoàn HAPACO phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu. Tập đoàn HAPACO không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn HAPACO và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng Cân đối kế toán của Tập đoàn HAPACO sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.12. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn HAPACO (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn HAPACO mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.13. Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn HAPACO không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm

soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn HAPACO đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn HAPACO được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.14. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:
- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.15. Các khoản thuế

Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	44.560.439	62.637.667
Tiền gửi ngân hàng	9.582.439.394	44.262.949.835
	9.626.999.833	**44.325.587.502**

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	363.842	363.842
Đầu tư ngắn hạn khác	274.738.778.053	274.738.778.053
- *Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng* (*)	*263.585.000.000*	*263.585.000.000*
- *Cho Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng vay*	*6.253.778.053*	*6.253.778.053*
- *Cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà vay*	*900.000.000*	*900.000.000*
- *Cho Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc vay*	*4.000.000.000*	*4.000.000.000*
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(311.042)	(305.442)
	274.738.830.853	**274.738.836.453**

(*)Là khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại các Ngân hàng cụ thể như sau:

✓ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tiền gửi số 12.12.2013EIB-HAPACO ngày 12/12/2013 với điều khoản chi tiết:
- Số tiền gửi: 231.990.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 8%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

✓ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với điều khoản chi tiết:
- Số tiền gửi: Theo sổ tiết kiệm số LA 416927 là 10.000.000.000 đồng; Sổ tiết kiệm số LA 416928 là 11.095.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 8%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

✓ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38.13.251.1165545.TG ngày 10/04/2013 và phụ lục hợp đồng tiền gửi số 38.13.251.1165545.PLTG ngày 10/04/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng với cá điều khoản chi tiết:
- Số tiền gửi: 8.000.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 7%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

✓ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 104.13.251.1165545.TG ngày 23/12/2013 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng
- Số tiền gửi: 2.500.000.000 đồng;
- Lãi tiền gửi: 7,5%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Dự thu lãi đầu tư ngắn hạn	15.950.140.125	6.111.015.626
Các khoản phải thu khác (1)	163.343.877.985	111.521.767.665
	179.294.018.110	**117.632.783.291**

(1) Chi tiết các khoản phải thu khác tại ngày 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Hải Phòng	18.682.504.970	18.682.504.970
Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	18.717.714.897	18.717.714.897
Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	97.207.885.000	65.054.885.000
Phải thu của Công ty Cổ phần Hapaco HPP	5.544.603.028	5.544.603.028
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	9.186.976.550	-
Phải thu công nợ cá nhân	9.873.100.000	-
Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	1.376.208.968	966.399.968
Các khoản phải thu khác	2.754.884.572	2.555.659.802
	163.343.877.985	**111.521.767.665**

(*) Theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 06 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO thì Tập đoàn HAPACO chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO để cùng hợp tác đầu tư tối đa là 100 tỷ đồng vào mục đích hợp tác do hai bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Tại thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Đầu tư - Kinh doanh số tiền là 97.207.885.000 đồng.

6. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	406.549.323	396.309.323
Tài sản thiếu chờ xử lý	649.631.319	649.631.319
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	273.476.284	573.476.284
	1.329.656.926	**1.619.416.926**

7. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	**VND**
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	490.904.545	200.000.000	105.330.455	796.235.000
Số tăng trong kỳ	-	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**490.904.545**	**200.000.000**	**105.330.455**	**796.235.000**
Giá trị hao mòn luỹ kế				
Số dư đầu năm	178.634.693	159.999.990	96.552.918	435.187.601
Số tăng trong kỳ	16.363.482	19.999.998	8.777.537	45.141.017
- Khấu hao trong kỳ	*16.363.482*	*19.999.998*	*8.777.537*	*45.141.017*
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	**194.998.175**	**179.999.988**	**105.330.455**	**480.328.618**
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	312.269.852	40.000.010	8.777.537	361.047.399
Tại ngày cuối kỳ	**295.906.370**	**20.000.012**	**-**	**315.906.382**

Nguyên giá Tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/06/2014 là 105.330.455 đồng.

8. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
- Dự án nhà máy điện Phiêng Côn Sơn La	100.000.000	100.000.000
- Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng [1]	285.667.275.758	240.936.010.521
- Dự án nhà máy lọc dầu Đình Vũ [2]	8.412.508.611	8.412.508.611
- Dự án Khu công nghiệp Tràng Cát [2]	4.118.782.919	5.050.782.919
- Nhà máy giấy Hải Hà	1.558.422.298	1.558.422.298
	299.856.989.586	**256.057.724.349**

[1] Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng có tổng dự toán 299,7 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/06/2014, Dự án đã hoàn thiện cơ bản các hạng mục chính và dự kiến hoàn thành trong năm 2014.

[2] Bao gồm chi phí triển khai của các Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ và KCN Tràng Cát, hiện Tập đoàn đang tạm dừng các dự án này và tìm phương án xử lý phù hợp với quy hoạch phát triển của Thành phố.

9. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Đầu tư vào công ty con	**256.226.220.713**	**256.226.220.713**
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	30.643.720.000	30.643.720.000
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	12.179.656.000	12.179.656.000
Công ty Cổ phần Hải Hà	8.000.000.000	8.000.000.000
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	10.984.455.931	10.984.455.931
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	7.238.119.565	7.238.119.565
Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	24.462.914.000	24.462.914.000
Công ty Cổ phần HAPACO HPP	155.630.855.217	155.630.855.217
Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng	7.086.500.000	7.086.500.000
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	**75.976.000.000**	**75.976.000.000**
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	75.976.000.000	75.976.000.000
Đầu tư dài hạn khác	**40.755.251.523**	**40.775.251.523**
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	15.000.000.000	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Cho cá nhân vay	131.000.000	151.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	**(62.052.742.403)**	**(54.155.379.935)**
	310.904.729.833	**318.822.092.301**

(*) Chi tiết Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Công ty Cổ phần Hải Hà	(691.988.461)	(1.094.692.080)
- Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	(6.591.715.677)	(5.942.890.719)
- Công ty Cổ phần HAPACO HPP	(43.104.652.865)	(35.131.119.054)
- Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	(2.673.971.754)	(2.683.206.902)
- Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	(8.990.413.646)	(9.303.471.180)
	(62.052.742.403)	**(54.155.379.935)**

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Yên Bái	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty CP TM Dịch vụ Hải Phòng	Hải Phòng	99,84%	99,84%	Kinh doanh thương mại
Công ty Cổ phần Hải Hà	Hà Giang	62%	62%	Sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Hòa Bình	100%	100%	Trồng rừng, sản xuất giấy
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất bột giấy
Công ty Cổ phần HPP	Hải Phòng	100%	100%	Sản xuất giấy
Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng	Yên Bái	100%	100%	Trồng rừng, sản xuất giấy

Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	15,2%	30%	Khai thác cát, đá, sỏi; KD xăng dầu, Khách sạn

Vốn thực góp của Tập đoàn HAPACO tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 30/06/2014 là: 75.976.000.000 đồng tương đương 7.597.600 Cổ phần, chiếm 15,2% vốn góp điều lệ của Công ty.

10. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay ngắn hạn ngân hàng	**255.600.000.000**	**252.960.000.000**
- Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái [1]	255.600.000.000	252.960.000.000
Vay cá nhân [2]	**42.950.000.000**	**27.900.000.000**
Nợ dài hạn đến hạn trả	**26.100.000.000**	**26.100.000.000**
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng Chi tiết xem thuyết minh số 14	26.100.000.000	26.100.000.000
	324.650.000.000	**306.960.000.000**

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

[1] Hợp đồng vay giữa Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) và Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 12.000.000 USD;
- Lãi suất vốn vay: 2,75%/năm;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 12.000.000USD, tương đương 255.600.000.000 đồng.

[2] Các khoản vay cá nhân tại thời điểm 30/06/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn cho vay: 6 tháng;
- Lãi suất cho vay: 9%/ năm;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện đầu tư Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế và bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Tín chấp;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 42.950.000.000 đồng.

11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	423.404.470	423.404.470
Thuế thu nhập cá nhân	101.889.893	52.501.397
Các loại thuế khác	258.637.323	219.203.323
	783.931.686	**695.109.190**

Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

12. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.956.059.557	2.651.824.167
- *Trích trước chi phí lãi vay Hoạt động sản xuất kinh doanh*	*5.961.913.333*	*2.435.982.500*
- *Trích trước chi phí lãi vay cho Dự án Bệnh viện phụ sản Quốc tế*	*994.146.224*	*215.841.667*
Chi phí phải trả khác	358.548.352	177.281.511
	7.314.607.909	**2.829.105.678**

13. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	16.909.428	28.778.392
Bảo hiểm xã hội	292.632.904	-
Bảo hiểm y tế	17.304.657	-
Bảo hiểm thất nghiệp	4.444.640	-
Cổ tức phải trả cổ đông	16.052.326.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	75.330.211.034	57.771.044.841
	91.713.828.663	**57.799.823.233**

(*) Chi tiết các khoản phải trả phải nộp khác tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	13.632.539.478	13.632.539.478
Phải trả Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	3.539.458.529	3.539.458.529
Phải trả Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	40.701.080.434	22.595.214.745
Phải trả Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	-	669.023.450
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	4.104.223.056	4.398.199.941
Phải trả Công ty CP HAPACO HPP do bàn giao nhà máy giấy	9.668.037.887	9.668.037.887
Phải trả phải nộp khác	3.684.871.650	3.268.570.811
	75.330.211.034	**57.771.044.841**

14. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Vay dài hạn ngân hàng	**98.881.086.000**	**94.620.233.000**
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng (*)	98.881.086.000	94.620.233.000
	98.881.086.000	**94.620.233.000**

(*) Hợp đồng tín dụng đầu tư số 06/2010/HĐTDĐT-NHĐT ngày 15/12/2010 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 209.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án Bệnh viện Phụ Sản Quốc tế Hải Phòng theo quyết định Phê duyệt Dự án đầu tư số 88/QĐ/HAP ngày 24/06/2010 của HĐQT Công ty CP Tập đoàn HAPACO;
- Thời gian trả nợ: 72 tháng;

- Thời gian ân hạn: 24 tháng;
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: 9,6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành sau đầu tư với tổng giá trị: 299.668,83 triệu đồng bao gồm:
  - Tòa nhà 9 tầng và khu phụ trợ tọa lạc trên diện tích đất 11.406,1 m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 245932 ngày 09/04/2010 do UBND Thành phố Hải phòng cấp;
  - Toàn bộ trang thiết bị của Bệnh viện.
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 124.981.086.000 đồng; Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2014 là 26.100.000.000 đồng.

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	**VND**
Số dư đầu năm trước	**280.752.610.000**	**168.169.438.671**	**(4.570.790.000)**	**44.271.598.932**	**4.528.042.732**	**12.782.202.634**	**505.933.102.969**
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	19.791.443.400	19.791.443.400
Số dư cuối kỳ trước	**280.752.610.000**	**168.169.438.671**	**(4.570.790.000)**	**44.271.598.932**	**4.528.042.732**	**32.573.646.034**	**525.724.546.369**
Số dư đầu năm nay	**322.601.220.000**	**126.320.828.671**	**(4.570.790.000)**	**44.271.598.932**	**4.528.042.732**	**37.836.205.594**	**530.987.105.929**
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	4.656.505.937	4.656.505.937
Trả cổ tức bằng tiền mặt (*)	-	-	-	-	-	(16.052.326.000)	(16.052.326.000)
Số dư cuối kỳ này	**322.601.220.000**	**126.320.828.671**	**(4.570.790.000)**	**44.271.598.932**	**4.528.042.732**	**26.440.385.531**	**519.591.285.866**

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/NQ-HAP ngày 05/04/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HAP ngày 23/05/2014, Tập đoàn HAPACO chi trả cổ tức đợt I năm 2013 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là 12/06/2014, ngày thanh toán cổ tức là 11/07/2014.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Ông Vũ Dương Hiền	21.629.060.000	6,70%	21.629.060.000	6,70%
Cổ phiếu quỹ	1.554.700.000	0,48%	1.554.700.000	0,48%
Vốn góp của đối tượng khác	299.417.460.000	92,81%	299.417.460.000	92,81%
Cộng	**322.601.220.000**	**100%**	**322.601.220.000**	**100%**

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/NQ-HAP ngày 05/04/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HAP ngày 23/05/2014, Tập đoàn HAPACO chi trả cổ tức đợt I năm 2013 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%/cổ phần như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Kết quả kinh doanh sau thuế	100%	25.054.002.960
Chi trả cổ tức	64%	16.052.326.000
(tương ứng mỗi cổ phần nhận 500 đồng).		

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.601.220.000	322.601.220.000
- *Vốn góp đầu năm*	*322.601.220.000*	*280.752.610.000*
- *Vốn góp tăng trong kỳ*	-	*41.848.610.000*
- *Vốn góp giảm trong kỳ*	-	-
- *Vốn góp cuối kỳ*	*322.601.220.000*	*322.601.220.000*
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.052.326.000	-
- *Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước*	*16.052.326.000*	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.260.122	32.260.122
- *Cổ phiếu phổ thông*	*32.260.122*	*32.260.122*
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- *Cổ phiếu phổ thông*	*155.470*	*155.470*
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.104.652	32.104.652
- *Cổ phiếu phổ thông*	*32.104.652*	*32.104.652*

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000đ/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	44.271.598.932	44.271.598.932
- Quỹ dự phòng tài chính	4.528.042.732	4.528.042.732
	48.799.641.664	**48.799.641.664**

16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	10.831.661.338	876.520.307
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần (*)	-	23.410.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia	10.000.000.000	5.233.920.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	210.258
	20.831.661.338	**29.520.650.565**

(*) Lợi nhuận từ chuyển nhượng 1.377.000 cổ phiếu đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CN-HAP ngày 10/06/2013.

17. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.743.130.833	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	2.640.000.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	7.897.368.068	10.285.711.242
	14.280.498.901	**10.285.711.242**

18. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.719.000	10.479.839
Chi phí nhân công	1.708.145.820	1.683.594.389
Chi phí khấu hao tài sản cố định	45.141.017	67.512.252
Chi phí dịch vụ mua ngoài	791.057.781	231.830.385
Chi phí khác bằng tiền	3.012.372.889	515.211.344
	5.567.436.507	**2.508.628.209**

19. THU NHẬP KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập từ sử dụng Thương hiệu HAPACO	3.638.062.112	3.065.755.655
Thu nhập khác	39.000.000	-
	3.677.062.112	**3.065.755.655**

20. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	4.656.505.937	19.791.443.400
Các khoản điều chỉnh tăng	43.203.000	19.523.369
Các khoản điều chỉnh giảm	(10.000.000.000)	(19.810.966.769)
- *Thu nhập từ chia cổ tức được miễn thuế TNDN*	*(10.000.000.000)*	*(5.233.920.000)*
- *Chuyển lỗ từ hoạt động kinh doanh các năm trước*	-	*(14.577.046.769)*
Thu nhập chịu thuế TNDN	(5.300.291.063)	-
- *Thuế suất 25%*	-	-
- *Thuế suất 22%*	*(5.300.291.063)*	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	423.404.470	423.404.470
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động KD chính	**423.404.470**	**423.404.470**

21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.626.999.833	-	44.325.587.502	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	180.519.764.306	(2.002.672.434)	119.205.340.487	(2.002.672.434)
Các khoản cho vay	274.869.778.053	-	274.889.778.053	-
Đầu tư ngắn hạn	363.842	(311.042)	363.842	(305.442)
Đầu tư dài hạn	40.624.251.523	(11.664.385.400)	40.624.251.523	(11.986.678.082)
	505.641.157.557	**(13.667.368.876)**	**479.045.321.407**	**(13.989.655.958)**

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	423.531.086.000	401.580.233.000
Phải trả người bán, phải trả khác	122.909.884.081	87.629.735.126
Chi phí phải trả	7.314.607.909	2.829.105.678
	553.755.577.990	**492.039.073.804**

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp

lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn HAPACO chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.626.999.833	-	-	9.626.999.833
Phải thu khách hàng, phải thu khác	178.517.091.872	-	-	178.517.091.872
Các khoản cho vay	274.738.778.053	131.000.000	-	274.869.778.053
Đầu tư ngắn hạn	52.800	-	-	52.800
Đầu tư dài hạn	-	-	28.959.866.123	28.959.866.123
Cộng	**462.882.922.558**	**131.000.000**	**28.959.866.123**	**491.973.788.681**
Tại ngày 01/01/2014				
Tiền và các khoản tương đương tiền	44.325.587.502	-	-	44.325.587.502
Phải thu khách hàng, phải thu khác	117.202.668.053	-	-	117.202.668.053
Các khoản cho vay	274.738.778.053	151.000.000	-	274.889.778.053
Đầu tư ngắn hạn	58.400	-	-	58.400
Đầu tư dài hạn	-	-	28.637.573.441	28.637.573.441
Cộng	**436.267.092.008**	**151.000.000**	**28.637.573.441**	**465.055.665.449**

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2014				
Vay và nợ	324.650.000.000	98.881.086.000	-	423.531.086.000
Phải trả người bán, phải trả khác	122.909.884.081	-	-	122.909.884.081
Chi phí phải trả	7.314.607.909	-	-	7.314.607.909
	454.874.491.990	**98.881.086.000**	**-**	**553.755.577.990**
Tại ngày 01/01/2014				
Vay và nợ	306.960.000.000	94.620.233.000	-	401.580.233.000
Phải trả người bán, phải trả khác	87.629.735.126	-	-	87.629.735.126
Chi phí phải trả	2.829.105.678	-	-	2.829.105.678
	397.418.840.804	**94.620.233.000**	**-**	**492.039.073.804**

Tập đoàn HAPACO cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn HAPACO có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

22. THÔNG TIN KHÁC

Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn HAPACO được miễn giảm từ năm 1998 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa trong năm 2011. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa do thị trường không thuận lợi nên chưa tìm được đối tác phù hợp. Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa trong năm 2014 với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá trị đã đầu tư của HAPACO.

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO chưa góp vốn vào Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green.

Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

Công ty nhận vốn đầu tư	Cam kết góp vốn	Vốn thực góp đến 30/06/2014
Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green	360.000.000.000	-
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	120.432.000.000	155.630.855.217
Công ty TNHH Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931
Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	10.000.000.000	7.086.500.000
Cộng	**533.832.000.000**	**180.939.930.713**

Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201450471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/04/2014. Công ty được thành lập với chức năng quản lý Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green. Tuy nhiên, tại ngày 30/06/2014 dự án chưa chính thức bàn giao đưa vào sử dụng nên Công ty chưa đi chính thức đi vào hoạt động.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 11 ngày 21/11/2009 thì Vốn điều lệ của Tập đoàn HAPACO là 500.003 triệu đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm 30/06/2014, Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp là 322.601 triệu đồng.

23. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên lên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
		VND	VND
Doanh thu phí thương hiệu			
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Công ty con	2.744.085.227	2.494.767.974
Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn	Công ty con	893.976.885	570.987.681
Mua dịch vụ			
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	61.950.000	-
Lãi cho vay			
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	-	314.426.063
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Công ty con	181.000.000	-
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con	40.750.000	-
Lãi vay phải trả			
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	1.595.322.333	178.583.333
Cổ tức lợi nhuận được chia			
Công ty TNHH Hapaco Hải Âu	Công ty con	-	5.233.920.000
Công ty TNHH MTV Hapaco Đông Bắc	Công ty con	10.000.000.000	-

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
Phải thu			
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Hải Phòng	Công ty con	3.882.752.225	3.860.752.225
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	Công ty con	9.186.976.550	-
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Công ty liên kết	-	346.811.000
Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	5.544.603.028	5.544.603.028
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Bên liên quan	115.925.599.897	83.772.599.897
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Bên liên quan	18.682.504.970	18.682.504.970
Phải trả			
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	-	669.023.450
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	Công ty con	3.539.458.529	3.539.458.529
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	Công ty con	40.701.080.434	22.595.214.745
Công ty Cổ phần HAPACO HPP	Công ty con	-	9.668.037.887
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	Công ty con	4.104.223.056	4.398.199.941
Công ty Cổ phần Hải Hà	Công ty con	525.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn			
Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	Công ty con	6.253.778.053	6.253.778.053
Công ty Cổ phần HAPACO Hải Hà	Công ty con	900.000.000	900.000.000
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	Công ty con	4.000.000.000	4.000.000.000

Vay ngắn hạn			
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	42.950.000.000	6.000.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.292.600.000	1.178.930.500

25. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này

	Mã số	Phân loại lại	Đã trình bày trên báo cáo năm trước
		VND	VND
a/ Bảng Cân đối kế toán			
- Các khoản phải thu khác	135	117.632.783.291	116.666.383.323
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	-	(966.399.968)

Vũ Xuân Cường	**Trần Thị Hằng**	**Khoa Thị Thanh Huyền**
Tổng Giám đốc	Kế toán trưởng	Người lập biểu

Hải Phòng, ngày 20 tháng 07 năm 2014